TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **533**/2023/HS-ST
Ngày: 28/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Bà Vương Thị Khánh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 460/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 466/2023/QĐXXST-HS ngày 18/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 868/2023/HSST-QĐ ngày 08/9/2023 và Thông báo dời ngày xét xử số 289/2023/TB-TA ngày 09/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Trương Bảo A; Tên gọi khác: Tý Thu; sinh năm: 2000; tại Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: không; Họ tên cha: Không rõ, con bà Trương Thị T1; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/02/2016, Trương Bảo A bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 24 tháng. Ngày 30/12/2017, chấp hành xong.

Bị tạm giữ từ ngày 28/6/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

2. Huỳnh Văn Đ; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1995; tại Cà Mau;

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện C1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Phụ xe; Chức vụ: không; Con ông Huỳnh Chí Đ1 và bà Trần Thị V; Sống chung như vợ chồng với Trương Thị Trúc L1, có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/12/2014, Huỳnh Văn Đ bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Bản án số 711/2014/HSST). Ngày 13/5/2015, chấp hành xong bản án.

Bị tạm giữ từ ngày 13/12/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

3. Phạm Văn T; Tên gọi khác: Nghĩa; sinh năm: 2003; tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: đường 30/4, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: không; Con ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T2; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

- Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ 10, khu phố C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Trần Nhựt L, sinh năm 2001.

HKTT: Ấp 8, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 11, khu phố C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 2003.

HKTT: Xã K, huyện T2, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 11, khu phố C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy T2, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu phố 4, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Phi L2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Trần Văn D, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Khu phố C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(các bị cáo có mặt; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 23/12/2021, Huỳnh Văn Đ đi ngang qua phòng trọ số 01 thuộc tổ 11, khu phố C, phường T1, thành phố B của anh Trần Nhựt L (sinh năm 2001, ngụ tại: ấp 8, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang) và anh Nguyễn Trọng N (sinh năm 2003, ngụ tại: xã K, huyện T2, tỉnh Cà Mau). Lúc này, Đ thấy anh L và anh N đang nằm ngủ không khoá cửa nên đã đột nhập vào và lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen của anh Trần Nhựt L và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo của anh Nguyễn Trọng N.

Sau khi trộm được 02 điện thoại nêu trên, Đ đã nói cho Trương Bảo A và Phạm Văn T (Nghĩa) biết đây là tài sản do trộm cắp mà có và rủ A, T cùng đi bán điện thoại trộm cắp được để lấy tiền thì A và T đồng ý. T điều khiển xe mô tô hiệu Weve (không rõ biển số) chở A và Đ đến tiệm điện thoại "T3" địa chỉ khu phố 5, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do anh Phạm Ngọc T3 (sinh năm 1993, đăng ký thường trú tại thôn H, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình) làm chủ. Tại đây Đ đưa cho T 02 điện thoại trên để T vào bán. T gặp anh T3 để bán 02 điện thoại trên, anh T3 chỉ đồng ý mua điện thoại Vivo Y20 còn Iphone 7 Plus không mua do không mở được mật khẩu. T bán điện thoại Vivo Y20 được 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Sau đó, T chở Đ và A về lại công ty sản xuất nước đóng chai tại ấp L, xã H, huyện T3, Đồng Nai do T đang làm thuê và để Đ ở lại đó. T cùng A tiếp tục đi đến tiệm điện thoại di động thuộc khu phố 4, phường T1, thành phố B do anh Nguyễn Duy T2 (sinh năm 1989, thường trú tại khu phố C, phường T4, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai) làm chủ để bán điện thoại Iphone 7 Plus với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi bán được điện thoại thì T chở A quay lại công ty sản xuất nước đóng chai. T chia cho A 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), chia cho Đ 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) còn lại, T dùng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) mua đồ nhậu còn 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) T sử dụng riêng.

Đến ngày 24/12/2021, A qua phòng trọ của N và L kể lại việc Huỳnh Văn Đ lấy trộm 02 chiếc điện thoại của N và L đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Anh L và anh N đã trình báo vụ việc nêu trên đến Công an phường T1. Công an phường T1 đã lập hồ sơ sự việc và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Trương Bảo A, Huỳnh Văn Đ và Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu giữ và giao trả 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen, số imel: 353811086390435 là điện thoại của anh Trần Nhựt L.

- 01 xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) của Phạm Văn T. T khai mua xe mô tô nêu trên của một người (không rõ lai lịch), không làm giấy tờ mua bán. Sau một thời gian sử dụng T đã bán cho một người (không rõ lai lịch) và không làm giấy tờ mua bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không thu giữ được.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 230/KL-HDĐGTS ngày 18/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Biên Hòa kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 plus loại 32Gb giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y20 trị giá 1.436.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Trọng N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.436.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng). An, Đ và T chưa bồi thường cho anh N.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 09 giờ 00 ngày 04/01/2022, Trương Bảo A ngồi uống rượu cùng Thi Vĩnh T5 (là bạn của A tên thường gọi là C, sinh năm 1991, đăng ký thường trú tại ấp T6, xã T7, huyện P, tỉnh Cà Mau, tạm trú tại phòng trọ ở ấp N, xã H, huyện T3, tỉnh Đồng Nai). T5 kể cho A nghe về việc T5 có xảy ra mâu thuẫn trước đó với anh Nguyễn Hoàng P (tên thường gọi là T, sinh năm 1983, ngụ tại: tổ 10, khu phố C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, sau khi uống rượu xong, T5 điều khiển xe mô tô đưa A về phòng trọ của A tại khu phố C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Khi đi ngang trước quán nước "S" thuộc xã H, huyện T3, tỉnh Đồng

Nai thì A trông thấy anh P đang ngồi một mình tại quán nên A đã tự ý đến trách móc về việc mâu thuẫn giữa P và T5 nên dẫn đến xảy ra to tiếng với anh P, mọi người can ngăn và T5 đưa A về chỗ phòng trọ của A, rồi T5 về lại phòng trọ của mình.

Khoảng 11 giờ 10 phút cùng ngày, A đi ngang trước nhà xưởng gỗ thuộc khu phố C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì thấy anh P đang ngồi chơi bên trong xưởng gỗ cùng anh Trần Phi L2 (sinh năm 1984, đăng ký thường trú tại ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau) và một người tên G (không rõ lai lịch). A tiếp tục đến gây sự và xảy ra cãi vã với anh P. Sau đó, A bỏ về phòng trọ của mình lấy 01 con dao Thái Lan bằng kim loại dài khoảng 20cm, cán dao bằng nhựa màu vàng quay lại gặp anh P. Trông thấy A cầm dao, anh P đã cầm 01 đoạn cây gỗ palet dài khoảng 80cm bản rộng 05 cm quơ phía trước A để phòng vệ thì bị A cầm dao đâm liên tiếp 03 nhát, nhát thứ nhất trúng ở bàn tay phải nhưng không để lại thương tích, nhát thứ hai trúng lưng bên phải gây thương tích nhẹ rách da vùng lưng vai phải và nhát thứ ba làm tổn thương mắt phải. Phát hiện anh P bị thương tích chảy máu, được người dân có mặt can ngăn thì AAn cầm dao bỏ đi và đã vứt bỏ dao bên đường không rõ địa điểm. Anh P được đưa đến khám và điều trị thương tích tại bệnh viện Mắt thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 18/01/2022, anh P trình báo sự việc đến công an phường T1 lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà xử lý.

* Vật chứng:

- 01 con dao Thái Lan bằng kim loại dài 20cm, cán nhựa màu vàng sau khi dùng đâm anh Nguyễn Hoàng P, A đã vứt bỏ dao bên đường (không rõ địa điểm) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không thu giữ được.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y số 0260 /TgT/2022, ngày 174/3/2022 của Trung tân pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương mắt phải hiện để lại thị lực mắt phải bóng bàn tay. Tỷ lệ 31%;

- Sẹo võng mạc mắt phải. Tỷ lệ 05%;

- Đục thuỷ tinh thể mắt phải. Tỷ lệ 04%;

- Sẹo đuôi mắt phải kích thước 02x0,2cm. Tỷ lệ 03%.

- Sẹo vai phải kích thước 0,6x0,4%.

Căn cứ vào thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ y tế Quy định Tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ

tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Hoàng P là 40 % (Bốn mươi phần trăm).

Vật gây thương tích: là vật sắc nhọn.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Hoàng P yêu cầu bị cáo Trương Bảo A bồi thường số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Trương Bảo A chưa bồi thường cho anh P.

Tại Cáo trạng số: 255/CT-VKSBH-HS ngày 27/4/2023, Văn bản số 1732/CV-VKSBH ngày 08/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Trương Bảo A về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; truy tố Huỳnh Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt Trương Bảo A mức hình phạt từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", 10 tháng đến 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tổng hợp mức hình phạt từ 06 năm 04 tháng đến 07 năm tù; Huỳnh Văn Đ mức hình phạt từ 16 tháng đến 20 tháng tù; Phạm Văn T mức hình phạt từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

và người làm chứng: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã có lời khai và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Việc vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[3] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Về hành vi chiếm đoạt tài sản: Vào ngày 23/12/2021, tại phòng trọ số 1 thuộc tổ 11, khu phố C, phường T1, thành phố B, Huỳnh Văn Đ có hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 plus loại 32Gb giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) của anh Trần Nhựt L và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y20 trị giá 1.436.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng) của anh Nguyễn Trọng N. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.936.000đ (Hai triệu chín trăm ba sáu nghìn đồng). Sau đó, Trương Bảo A và Phạm Văn T biết tài sản nêu trên do Đ trộm cắp mà có đã cùng Đ đi bán 02 điện thoại di động nêu trên được 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Về hành vi cố ý gây thương tích: Vào khoảng 11 giờ 10 phút ngày 04/01/2022, tại xưởng gỗ thuộc khu phố C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Trương Bảo A có hành vi dùng 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm, cán dao bằng nhựa màu vàng đâm anh Nguyễn Hoàng P 03 nhát trúng ở bàn tay phải, lưng bên phải và mắt phải gây thương tích cho anh P với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 40% (Bốn mươi phần trăm).

Hành vi của bị cáo Trương Bảo A đã cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn Đ đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản, tiêu thụ tài sản của các bị cáo Huỳnh

Văn Đ, Trương Bảo A, Phạm Văn T: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là những người trong độ tuổi trưởng thành có khả năng lao động, nhưng lại có hành vi lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản sau đó tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do vậy, cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Huỳnh Văn Đ là người thực hiện hành vi lấy trộm tài sản. Bị cáo Đ đã bị xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Trương Bảo A và Phạm Văn T mặc dù biết 02 chiếc điện thoại là do Đ lấy trộm mà có nhưng vẫn tham gia tích cực trong việc tiêu thụ để lấy tiền tiêu xài.

Đối với hành vi gây thương tích của bị cáo Trương Bảo A: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự địa phương. Giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn, nhưng bị cáo lại thể hiện tính chất côn đồ, gây sự, cãi vã với bị hại và tiếp tục có hành vi sử dụng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tật 40%. Do vậy, cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Không. Đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" đối với bị cáo Trương Bảo A theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử nhận thấy: Trương Bảo A thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và hành vi cố ý gây thương tích là hai loại tội phạm khác nhau nên không áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với vụ án "Cố ý gây thương tích": Quá trình điều tra, truy tố, bị hại anh Nguyễn Hoàng P yêu cầu bị cáo Trương Bảo A bồi thường số tiền 30.000.000đ, bao gồm chi phí điều trị có hóa đơn 3.730.000đ, chi phí điều trị

không có hóa đơn 2.270.000đ, thu nhập thực tế bị mất do phải điều trị là 24.000.000đ; tổng cộng 30.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại quá trình điều tra, bị hại chỉ cung cấp được tài liệu, chứng cứ là các hóa đơn, chứng từ điều trị tại Bệnh viện đa khoa Thống Nhất và Bệnh viện mắt thành phố Hồ Chí Minh số tiền 3.730.000đ. Đối với chi phí mua thuốc không có hóa đơn là 2.270.000đ và thu nhập thực tế bị mất 60 ngày x 400.000đ/ngày là 24.000.000đ, bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng từ và chứng cứ chứng minh bị hại có thu nhập ổn định 400.000đ/ngày và phải nghỉ việc điều trị thời gian 60 ngày. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị hại tham gia phiên tòa nhưng bị hại vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với yêu cầu bồi thường số tiền chi phí khám chữa bệnh có hóa đơn, chứng từ là 3.730.000đ. Đối với yêu cầu bồi thường chi phí điều trị không có hóa đơn, chứng từ và thu nhập thực tế bị mất do chưa có điều kiện chứng minh nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi bị hại có yêu cầu.

Đối với vụ án "Trộm cắp tài sản": Quá trình điều tra, bị hại anh Nguyễn Trọng N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.436.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo Đ đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên cho anh N nên ghi nhận.

[5] Về biện pháp tư pháp: Buộc Trương Bảo A nộp 200.000đ và Phạm Văn T nộp 700.000đ tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách nhà nước.

[6] Đối với anh Nguyễn Duy T2 và anh Phạm Ngọc T3 đã mua điện thoại di động của anh Trần Nhựt L và anh Nguyễn Trọng N. Anh T2 và anh T3 không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[7] Đối với Thy Vĩnh T5: T5 chỉ có hành vi kể cho A nghe về mâu thuẫn giữa T5 và P, không có căn cứ chứng minh T5 có hành vi nhờ hay xúi giục A gây thương tích cho P nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí HSST và án phí DSST: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trương Bảo A, Huỳnh Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 3, điểm a, i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương Bảo A;

Tuyên bố bị cáo Trương Bảo A phạm tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt: Bị cáo Trương Bảo A **06 (Sáu) năm tù** về tội "Cố ý gây thương tích", **10 (Mười) tháng tù** về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt cho 02 tội là **06 (Sáu) năm 10 (Mười) tháng tù.** Thời hạn tù được tính kể từ ngày 28/6/2022.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Văn Đ;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn Đ **01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù.** Thời hạn tù được tính kể từ ngày 13/12/2022.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Văn T;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T **08 (Tám) tháng tù.** Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

4. **Về trách nhiệm dân sự**: Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Trương Bảo A bồi thường số tiền 3.730.000đ (Ba triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng) cho anh Nguyễn Hoàng P.

- Buộc bị cáo Huỳnh Văn Đ bồi thường số tiền 1.436.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng) cho anh Nguyễn Trọng N.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về biện pháp tư pháp: Buộc Trương Bảo A nộp 200.000đ và Phạm Văn T nộp 700.000đ tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách nhà nước.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Trương Bảo A, Huỳnh Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Nguyễn Hoàng P, anh Nguyễn Trọng N, anh Trần Nhựt L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh Thủy